

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG

**TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI
(WTO)**



11.2016

MỤC LỤC

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)	1
1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT).....	1
2. Sự ra đời của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).....	2
II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)	3
1. Mục tiêu:	3
2. Chức năng	4
3. Nguyên tắc cơ bản.....	4
4. Cơ cấu tổ chức của WTO.....	7
IV. VIỆT NAM VÀ WTO	8
1. Tiến trình gia nhập WTO của Việt Nam.....	8
2. Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập WTO	9
3. Thành tựu đạt được và những kỳ vọng bị bỏ lỡ.....	10
4. TPP, EVFTA và làn sóng FTA mới.....	11
5. Các hoạt động của VCCI trong khuôn khổ hội nhập WTO.....	12
V. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	13

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

I. BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT)

Sau chiến tranh Thế giới II, nhằm khôi phục sự phát triển kinh tế và thương mại, hơn 50 nước trên thế giới đã cùng nhau nỗ lực kiến tạo một tổ chức mới điều chỉnh hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế, đồng thời với sự ra đời của các định chế tài chính quốc tế lớn như Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và gắn bó chặt chẽ với các định chế này. Ban đầu, các nước dự kiến thành lập Tổ chức Thương mại Quốc tế (ITO) với tư cách là một tổ chức chuyên môn thuộc Liên hiệp quốc. Tháng 2/1946, Hội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc triệu tập một "Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Việc làm" với mục tiêu dự thảo Hiến chương cho Tổ chức Thương mại Quốc tế. Dự thảo Hiến chương thành lập ITO không những chỉ điều chỉnh các quy tắc thương mại thế giới mà còn mở rộng ra cả các quy định về công ăn việc làm, các hành vi hạn chế thương mại, đầu tư quốc tế và dịch vụ.

Công việc chuẩn bị cho hiến chương này đã được các quốc gia tiến hành trong năm 1946 và 1947. Từ tháng 4 đến tháng 10/1947, các nước đã tiến hành một hội nghị chuẩn bị toàn diện. Tại hội nghị này, bên cạnh việc tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến hiến chương thành lập ITO, các nước còn tiến hành đàm phán để giảm và ràng buộc thuế quan đa phương. Trong vòng đàm phán đầu tiên, các nước đã đưa ra được 45.000 nhân nhượng thuế quan có ảnh hưởng đến khối lượng thương mại giá trị khoảng 10 tỷ USD, tức là khoảng 1/5 tổng giá trị thương mại thế giới. Các nước cũng nhất trí áp dụng ngay lập tức và "tạm thời" một số quy tắc thương mại trong Dự thảo Hiến chương ITO nhằm bảo vệ giá trị của các nhân nhượng nói trên. Kết quả trọn gói gồm các quy định thương mại và các nhân nhượng thuế quan được đưa ra trong Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). Theo dự kiến, Hiệp định GATT sẽ là một hiệp định phụ trợ nằm trong Hiến chương ITO. Cho đến thời điểm cuối 1947, Hiến chương ITO vẫn chưa được thông qua. Chiến tranh Thế giới II vừa kết thúc, các nước đều muốn sớm thúc đẩy tự do hoá thương mại, và bắt đầu khắc phục những hậu quả của các biện pháp bảo hộ còn sót lại từ đầu những năm 1930. Do vậy, ngày 23/10/1947, 23 nước đã ký "Nghị định thư về việc áp dụng tạm thời" (PPA), có hiệu lực từ 1/1/1948, thông qua nghị định thư này, Hiệp định GATT đã được chấp nhận và thực thi.

Trong thời gian đó, Hiến chương ITO vẫn tiếp tục được thảo luận. Cuối cùng, tháng 3/1948, Hiến chương ITO đã được thông qua tại Hội nghị về Thương mại và Việc làm của Liên hiệp quốc tại Havana. Tuy nhiên, quốc hội của một số nước đã không phê chuẩn Hiến chương này. Đặc biệt là Quốc hội Mỹ rất phản đối Hiến chương Havana, mặc dù Chính phủ Mỹ đã đóng vai trò rất tích cực trong việc nỗ lực thiết lập ITO. Tháng 12/1950, Chính phủ Mỹ chính thức thông báo sẽ không vận động Quốc hội thông qua Hiến chương Havana nữa, do vậy trên thực tế, Hiến chương này không còn tác dụng. Và mặc dù chỉ là tạm thời, GATT trở thành công cụ đa phương duy nhất điều chỉnh thương mại quốc tế từ năm 1948 cho đến tận năm 1995, khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ra đời.

Trong 48 năm tồn tại, GATT đã tổ chức 8 vòng đàm phán:

Năm	Địa điểm/Tên	Chủ đề đàm phán	Số nước
1947	Geneva	Thuế quan	23
1949	Annecy	Thuế quan	13
1951	Torquay	Thuế quan	38
1956	Geneva	Thuế quan	26
1960-1961	Geneva (Vòng Dillon)	Thuế quan	26
1964-1967	Geneva (Vòng Kenedy)	Thuế quan và các biện pháp chống bán phá giá	62
1973-1979	Geneva (Vòng Tokyo)	Thuế quan, các biện pháp phi quan thuế, các hiệp định "khung"	102
1986-1994	Geneva (Vòng Uruguay)	Thuế quan, các biện pháp phi quan thuế, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, hàng dệt, nông nghiệp, thành lập WTO, v.v...	123

Năm vòng đàm phán đầu tiên chủ yếu tập trung vào đàm phán giảm thuế quan. Bắt đầu từ Vòng đàm phán Kenedy, nội dung của các vòng đàm phán mở rộng dần sang các lĩnh vực khác. Vòng đàm phán cuối cùng - Vòng Uruguay - đã mở rộng nội dung sang hầu hết các lĩnh vực của thương mại bao gồm: thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ... và cho ra đời một tổ chức mới thay thế cho GATT - Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Có thể nói, trong 48 năm tồn tại của mình, GATT đã có những đóng góp to lớn vào việc thúc đẩy và đảm bảo thuận lợi hoá và tự do hoá thương mại thế giới. Số lượng các bên tham gia cũng tăng nhanh. Cho tới trước khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được thành lập vào ngày 1/1/1995, GATT đã có 124 bên ký kết và đang tiếp nhận 25 đơn xin gia nhập. Nội dung của GATT ngày một bao trùm và quy mô ngày một lớn: bắt đầu từ việc giảm thuế quan cho tới các biện pháp phi thuế, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, và tìm kiếm một cơ chế quốc tế giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các quốc gia. Từ mức thuế trung bình 40% của năm 1948, đến năm 1995, mức thuế trung bình của các nước phát triển chỉ còn khoảng 4% và thuế quan trung bình của các nước đang phát triển còn khoảng 15%.

2. Sự ra đời của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Mặc dù đã đạt được những thành công lớn, nhưng đến cuối những năm 80, đầu 90, trước những biến chuyển của tình hình thương mại quốc tế và sự phát triển của khoa học-kỹ thuật, GATT bắt đầu tỏ ra có những bất cập, không theo kịp tình hình.

- Thứ nhất, những thành công của GATT trong việc giảm và ràng buộc thuế quan ở mức thấp cộng với một loạt các cuộc suy thoái kinh tế trong những năm 70 và 80 đã thúc đẩy các nước tạo ra các loại hình bảo hộ phi quan thuế khác nhau để đối phó với hàng nhập khẩu; hoặc ký

kết các thoả thuận song phương dàn xếp thị trường giữa các chính phủ Tây Âu và Bắc Mỹ, đồng thời nhiều hình thức hỗ trợ và trợ cấp mới đã xuất hiện trong thời gian này. Những biến đổi này có nguy cơ làm giảm và mất đi những giá trị mà việc giảm thuế quan mang lại cho thương mại quốc tế. Trong khi đó, phạm vi của GATT không cho phép đề cập một cách cụ thể và sâu rộng đến các vấn đề này.

- Thứ hai, đến những năm 80, GATT đã không còn thích ứng với thực tiễn thương mại thế giới. Khi GATT được thành lập năm 1948, Hiệp định này chủ yếu điều tiết thương mại hàng hoá hữu hình. Từ đó tới nay, thương mại quốc tế đã phát triển nhanh chóng, mở rộng sang cả các lĩnh vực thương mại dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hàng không, vận tải biển, du lịch, xây dựng, tư vấn... và các loại hình thương mại dịch vụ này, cùng với các vấn đề thương mại trong đầu tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại đã phát triển nhanh chóng và trở thành một bộ phận quan trọng của thương mại quốc tế.

- Thứ ba, trong một số lĩnh vực của thương mại hàng hoá, GATT còn có những lỗ hổng cần phải được cải thiện. Ví dụ, trong nông nghiệp và hàng dệt may, các cố gắng tự do hoá thương mại đã không đạt được thành công lớn. Kết quả là còn rất nhiều ngoại lệ với các quy tắc chung trong hai lĩnh vực thương mại này.

- Thứ tư, về mặt cơ cấu tổ chức và cơ chế giải quyết tranh chấp, GATT cũng tỏ ra không thích ứng với tình hình thế giới. GATT chỉ là một hiệp định, việc tham gia mang tính chất tùy ý. Thương mại quốc tế ở những năm 80 và 90 đòi hỏi phải có một tổ chức thường trực, có nền tảng pháp lý vững chắc để đảm bảo thực thi các hiệp định, quy định chung của thương mại quốc tế. Về hệ thống giải quyết tranh chấp, GATT chưa có một cơ chế điều tiết thủ tục tố tụng chặt chẽ, không đưa ra một thời gian biểu nhất định, do đó, các vụ việc tranh chấp thường bị kéo dài, dễ bị bế tắc. Để thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế một cách hiệu quả, rõ ràng hệ thống này cần phải được cải tiến.

Những yếu tố trên, kết hợp với một số nhân tố khác đã thuyết phục các bên tham gia GATT cần phải có nỗ lực để củng cố và mở rộng hệ thống thương mại đa biên. Từ năm 1986 đến 1994, Hiệp định GATT và các hiệp định phụ trợ của nó đã được các nước thảo luận sửa đổi và cập nhật để thích ứng với điều kiện thay đổi của môi trường thương mại thế giới. Hiệp định GATT 1947, cùng với các quyết định đi kèm và một vài biên bản giải thích khác đã hợp thành GATT 1994. Một số hiệp định riêng biệt cũng đạt được trong các lĩnh vực như Nông nghiệp, Dệt may, Trợ cấp, Tự vệ và các lĩnh vực khác; cùng với GATT 1994, chúng tạo thành các yếu tố của các Hiệp định Thương mại đa phương về Thương mại Hàng hoá. Vòng đàm phán Uruguay cũng thông qua một loạt các quy định mới điều chỉnh thương mại Dịch vụ và Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến thương mại. Một trong những thành công lớn nhất của vòng đàm phán lần này là, cuối Vòng đàm phán Uruguay, các nước đã cho ra Tuyên bố Marrakesh thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bắt đầu đi vào hoạt động từ ngày 1/1/1995.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

1. Mục tiêu:

WTO thừa nhận các mục tiêu của GATT, tức là quan hệ giữa các nước thành viên trong thương mại và kinh tế sẽ được tiến hành nhằm:

- ◆ *nâng cao mức sống;*
- ◆ *bảo đảm tạo đầy đủ việc làm, đảm bảo tăng trưởng vững chắc thu nhập và nhu cầu thực tế;*
- ◆ *phát triển việc sử dụng các nguồn lực của thế giới;*
- ◆ *mở rộng sản xuất và trao đổi hàng hoá.*

2. Chức năng

Theo Hiệp định Marrakesh thành lập WTO, tổ chức này có năm chức năng cơ bản như sau:

1. Tạo thuận lợi cho việc thực thi, quản lý và tiến hành các mục tiêu của Hiệp định này và các Hiệp định thương mại đa biên khác, cũng như các Hiệp định nhiều bên.
2. Tạo ra diễn đàn đàm phán giữa các nước thành viên về quan hệ thương mại giữa các nước này về các vấn đề được đề cập đến trong các Hiệp định WTO, và thực thi kết quả của các cuộc đàm phán đó.
3. Giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên trên cơ sở Quy định và Thủ tục Giải quyết Tranh chấp.
4. Thực hiện rà soát chính sách thương mại thông qua Cơ chế Rà soát Chính sách Thương mại
5. Nhằm đạt được một sự nhất quán hơn nữa trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, khi thích hợp, WTO sẽ phối hợp với IMF, WB và các cơ quan của các tổ chức này.

3. Nguyên tắc cơ bản

WTO hoạt động dựa trên một bộ các luật lệ và quy tắc tương đối phức tạp, bao gồm trên 60 hiệp định, phụ lục, quyết định và giải thích khác nhau điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực thương mại quốc tế. Tuy vậy, tất cả các văn bản đó đều được xây dựng trên cơ sở năm nguyên tắc cơ bản của WTO.

1. Thương mại không có sự phân biệt đối xử.

Nguyên tắc này được cụ thể hoá trong các quy định về chế độ Đãi ngộ Tối huệ quốc và Đãi ngộ Quốc gia:

1.1. Đãi ngộ Tối huệ quốc (MFN):

Đãi ngộ Tối huệ quốc là một nguyên tắc cơ bản của WTO, được nêu trong Điều I - Hiệp định GATT, điều II - Hiệp định GATS và điều IV - Hiệp định TRIPS. Theo nguyên tắc MFN, WTO yêu cầu một nước thành viên phải áp dụng thuế quan và các quy định khác đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước thành viên khác nhau (hoặc hàng hoá xuất khẩu tới các nước thành viên khác nhau) một cách bình đẳng, không phân biệt đối xử. Điều đó có nghĩa là nếu một nước thành viên dành cho sản phẩm từ bất kỳ nước thành viên nào mức thuế quan hay bất kỳ một ưu đãi nào khác thì cũng phải dành mức thuế quan hoặc ưu đãi đó cho sản phẩm tương tự của tất cả các quốc gia thành viên khác một cách ngay lập tức và vô điều kiện. WTO

cũng cho phép các nước thành viên được duy trì một số ngoại lệ của nguyên tắc này (Xem thêm Phụ lục I).

1.2. Đãi ngộ Quốc gia (NT):

Trong khi nguyên tắc MFN yêu cầu một nước thành viên không được phép áp dụng đối xử phân biệt giữa các nước thành viên thì nguyên tắc NT yêu cầu một nước phải đối xử bình đẳng và công bằng giữa hàng hoá nhập khẩu và hàng hoá tương tự sản xuất trong nước. Nguyên tắc này quy định rằng, bất kỳ một sản phẩm nhập khẩu nào, sau khi đã qua biên giới (đã trả xong thuế hải quan và các chi phí khác tại cửa khẩu) sẽ được hưởng sự đối xử không kém ưu đãi hơn sản phẩm tương tự sản xuất trong nước. (Xem thêm Phụ lục II).

Nguyên tắc MFN và NT lúc đầu chỉ được áp dụng trong lĩnh vực thương mại hàng hoá, sau khi WTO ra đời thì nó được mở rộng cả sang thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại và các lĩnh vực khác, tuy vậy mức độ áp dụng của quy tắc này trong các lĩnh vực là khác nhau. Là những cấu thành cơ bản của nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các thành viên Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO), tuy nhiên, trong các quy định của WTO, yêu cầu này được áp dụng ở mức độ khác nhau theo từng lĩnh vực:

- Trong thương mại hàng hoá: MFN và NT được áp dụng tương đối toàn diện và triệt để;
- Trong thương mại dịch vụ: MFN và NT cũng được áp dụng với những lĩnh vực mà một thành viên đã cam kết mở cửa thị trường, với những lĩnh vực dịch vụ còn duy trì hạn chế thì việc dành MFN và NT tùy thuộc vào kết quả đàm phán các cam kết cụ thể.
- Trong lĩnh vực đầu tư: WTO chưa có một hiệp định đầu tư đa biên, mới đạt được Hiệp định về các Biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, và quy chế MFN và NT chỉ giới hạn ở Hiệp định này. Tuy nhiên, trong luật pháp đầu tư nước ngoài của các nước, quy chế MFN và NT được áp dụng phổ biến và trên nhiều lĩnh vực.
- Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ: các đãi ngộ quốc gia trên đã được thể chế hoá cụ thể và phổ biến trong các công ước quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ.

2. Chỉ bảo hộ bằng thuế quan

Trong WTO, việc bảo hộ các ngành công nghiệp nội địa không bị ngăn cấm. Tuy nhiên, WTO đưa ra một nguyên tắc là các nước chỉ được thực hiện bảo hộ chủ yếu thông qua thuế quan, chứ không được sử dụng các biện pháp thương mại khác. Mục tiêu của nguyên tắc này để đảm bảo sự minh bạch của việc bảo hộ và giảm thiểu những tác dụng bóp méo thương mại phát sinh.

3. Tạo dựng một nền tảng ổn định cho thương mại

Một nguyên tắc cơ bản của WTO là các nước thành viên có nghĩa vụ đảm bảo tính ổn định cho thương mại quốc tế, thông qua việc các nước ràng buộc thuế quan của mình. Các nước chỉ có thể tăng thuế quan sau khi đã tiến hành đàm phán lại và đã đền bù thoả đáng cho lợi ích các bên bị thiệt hại do việc tăng thuế đó.

Để đảm bảo nguyên tắc này, các nước thành viên WTO còn có nghĩa vụ phải minh bạch hoá các quy định thương mại của mình, phải thông báo mọi biện pháp đang áp dụng và ràng buộc chúng (tức là cam kết sẽ không thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho thương mại, nếu thay

đổi phải được thông báo, tham vấn và bù trừ hợp lý). Tính dự báo được nhằm giúp các nhà kinh doanh nắm rõ tình hình hiện tại cũng như xác định được cơ hội của họ trong tương lai. Nguyên tắc này giúp cho môi trường kinh doanh có tính ổn định và lành mạnh.

4. Thương mại ngày càng tự do hơn thông qua đàm phán

WTO đảm bảo thương mại giữa các quốc gia ngày càng tự do hơn thông qua quá trình đàm phán hạ thấp các hàng rào thương mại để thúc đẩy buôn bán. Kể từ năm 1948 đến nay, GATT, mà nay là WTO, đã tiến hành 8 vòng đàm phán để giảm thuế quan, dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan và mở cửa thị trường. Để thực hiện nguyên tắc thương mại ngày càng tự do này, WTO đảm nhận chức năng là diễn đàn đàm phán thương mại đa phương để các nước có thể liên tục thảo luận về vấn đề tự do hoá thương mại.

5. Tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng

WTO là một hệ thống các nguyên tắc nhằm thúc đẩy cạnh tranh tự do, công bằng và không bị bóp méo. Tất cả các Hiệp định của WTO như về nông nghiệp, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ... đều nhằm mục tiêu tạo một môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng hơn giữa các quốc gia.

6. Hạn chế số lượng hàng nhập khẩu

Theo quy định của WTO, các nước sẽ loại bỏ tất cả hạn chế số lượng đối với hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, WTO cũng cho phép các nước thành viên được áp dụng các hạn chế nhập khẩu trong một số trường hợp ngoại lệ như:

- Nước nhập khẩu gặp khó khăn về cán cân thanh toán
- Có căng thẳng về ngoại hối (do nhu cầu nhập khẩu vì mục tiêu phát triển tăng mạnh, hoặc do các nước này thiết lập hay mở rộng hoạt động sản xuất trong nước).

Khi các nước áp dụng các ngoại lệ này, các hạn chế số lượng phải được áp dụng trên cơ sở không có sự phân biệt đối xử.

7. Nguyên tắc "khước từ" và khả năng áp dụng các hành động khẩn cấp

Khi tình hình kinh tế hay thương mại của một nước gặp khó khăn nhất thời, WTO cho phép các nước thành viên được tạm thời miễn không thực hiện những nghĩa vụ nhất định.

WTO cũng cho phép các chính phủ được áp dụng các biện pháp tự vệ khẩn cấp trong những trường hợp quy định. Các thành viên có thể áp dụng các hạn chế nhập khẩu hay tạm ngừng các nhân nhượng thuế quan đối với những sản phẩm cụ thể khi nhập khẩu các sản phẩm này tăng mạnh, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho các nhà sản xuất trong nước.

8. Các thoả thuận thương mại khu vực

WTO thừa nhận các thoả thuận thương mại khu vực nhằm mục tiêu đẩy mạnh tự do hoá thương mại. Các liên kết như vậy được chấp nhận là một ngoại lệ của nguyên tắc Đãi ngộ Tối huệ quốc (MFN) theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt, nhằm đảm bảo các thoả thuận này tạo thuận lợi cho thương mại giữa các nước liên quan song không làm tăng các hàng rào cản trở thương mại với các nước ngoài liên kết.

9. Điều kiện đặc biệt dành cho các nước đang phát triển

Với 2/3 số thành viên của mình là các nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi, một trong những nguyên tắc cơ bản của WTO là khuyến khích phát triển, dành những điều kiện đối xử đặc biệt và khác biệt cho các quốc gia này, với mục tiêu đảm bảo sự tham gia sâu rộng hơn của họ vào hệ thống thương mại đa phương. Thực hiện nguyên tắc này, WTO dành cho các nước đang phát triển, các nền kinh tế chuyển đổi những linh hoạt và ưu đãi nhất định trong việc thực thi các hiệp định, đồng thời chú ý đến trợ giúp kỹ thuật cho các nước này.

4. Cơ cấu tổ chức của WTO

Cho đến nay, WTO có 161 nước thành viên (gần đây nhất, 26/4/2015, WTO đã chấp thuận Seychelles là thành viên thứ 161 của WTO sau hơn 20 năm đàm phán).

Cơ quan quyền lực cao nhất của WTO là Hội nghị Bộ trưởng (MC). Hội nghị Bộ trưởng họp ít nhất hai năm một lần. Hội nghị Bộ trưởng WTO lần I được tổ chức tại Singapore tháng 12/1996, lần II tại Geneva tháng 5/1998 và Hội nghị Bộ trưởng lần III diễn ra tại Seattle, Mỹ từ ngày 30/11 đến ngày 3/12/1999. Hội nghị Bộ trưởng là cơ quan đưa ra quyết định đối với mọi vấn đề của bất kỳ hiệp định cụ thể nào. Thông thường, Hội nghị Bộ trưởng đưa ra các đường lối, chính sách chung để các cơ quan cấp dưới tiến hành triển khai.

Dưới Hội nghị Bộ trưởng là Đại Hội đồng (GC). Cơ quan này tiến hành các công việc hàng ngày của WTO trong thời gian giữa các Hội nghị Bộ trưởng, thông qua ba cơ quan chức năng là:

- Đại Hội đồng (GC)
- Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB)
- Cơ quan Rà soát Chính sách Thương mại (TPRB)

Đại Hội đồng giải quyết các vấn đề của WTO thay mặt cho Hội nghị Bộ trưởng và báo cáo lên Hội nghị Bộ trưởng.

Đại Hội đồng cũng đồng thời đóng vai trò là Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) và Cơ quan Rà soát chính sách (TPRB). Cơ quan Giải quyết Tranh chấp được phân ra làm Ban Hội thẩm (Panel) và Ủy ban Kháng nghị (Appellate). Các tranh chấp trước hết sẽ được đưa ra Ban Hội thẩm để giải quyết. Nếu như các nước không hài lòng và đưa ra kháng nghị thì Ủy ban Kháng nghị sẽ có trách nhiệm xem xét vấn đề. (Xem Phụ lục kèm theo).

Dưới Đại Hội đồng, WTO có ba Hội đồng về ba lĩnh vực thương mại cụ thể là Hội đồng Thương mại Hàng hoá, Hội đồng Thương mại Dịch vụ và Hội đồng về Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Các hội đồng này có các cơ quan cấp dưới (các uỷ ban và các tiểu ban) để thực thi các công việc cụ thể trong từng lĩnh vực. (Ví dụ, Hội đồng Thương mại Hàng hoá có 11 uỷ ban, 2 nhóm công tác và Cơ quan Giám sát Hàng dệt, Hội đồng Thương mại Dịch vụ có 2 uỷ ban, 2 nhóm công tác...).

Tương đương với các Hội đồng này, WTO còn có một số uỷ ban, có phạm vi chức năng nhỏ hơn, nhưng cũng báo cáo trực tiếp lên Đại Hội đồng, đó là các Ủy ban về Thương mại và Phát triển, Thương mại và Môi trường, Hiệp định Thương mại Khu vực, Hạn chế bảo vệ Cán cân Thanh toán, Ủy ban về Ngân sách, Tài chính và Quản lý, và Tiểu ban về các nước Chậm phát triển. Bên cạnh các uỷ ban đó là các Nhóm công tác về Gia nhập, và Nhóm Công tác về

Mối quan hệ giữa Đầu tư và Thương mại, về Tác động qua lại giữa Thương mại và Chính sách cạnh tranh, về Minh bạch hoá Mua sắm của Chính phủ. Ngoài ra còn có hai uỷ ban về các hiệp định nhiều bên.

Một cơ quan quan trọng của WTO là Ban Thư ký WTO, được đặt tại Geneva. Đứng đầu Ban Thư ký là Tổng Giám đốc WTO (hiện nay là ông Roberto Azevêdo- người Brazil), dưới đó là 4 Phó Tổng Thư ký, phụ trách từng mảng cụ thể. Ban Thư ký có khoảng 500 nhân viên. Nhiệm vụ chính của Ban Thư ký là:

- Hỗ trợ về kỹ thuật và quản lý cho các cơ quan chức năng của WTO (các hội đồng, uỷ ban, tiểu ban, nhóm đàm phán) trong việc đàm phán và thực thi các hiệp định;
- Trợ giúp kỹ thuật cho các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước chậm phát triển;
- Phân tích các chính sách thương mại và tình hình thương mại;
- Giúp đỡ trong việc giải quyết tranh chấp thương mại liên quan đến việc diễn giải các quy định, luật lệ của WTO;
- Xem xét vấn đề gia nhập của các nước và tư vấn cho họ.

IV. VIỆT NAM VÀ WTO

1. Tiến trình gia nhập WTO của Việt Nam

- Từ đầu những năm 90 Việt Nam đã bắt đầu quá trình tham gia vào nền kinh tế thế giới
- 1/1995: Việt Nam nộp đơn xin gia nhập WTO. Ban Công tác xem xét việc gia nhập của Việt Nam được thành lập với Chủ tịch là ông Eirik Glenne, Đại sứ Na Uy tại WTO (riêng từ 1998–2004, Chủ tịch là ông Seung Ho, Hàn Quốc)
- 8/1996: Việt Nam nộp “Bị vong lục về chính sách thương mại”
- 1996: Bắt đầu đàm phán Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ (BTA)
- 1998 - 2000: Tiến hành 4 phiên họp đa phương với Ban Công tác về Minh bạch hóa các chính sách thương mại vào tháng 7-1998, 12-1998, 7-1999, và 11-2000. Kết thúc 4 phiên họp, Ban công tác của WTO đã công nhận Việt Nam cơ bản kết thúc quá trình minh bạch hóa chính sách và chuyển sang giai đoạn đàm phán mở cửa thị trường.
- 7/2000: ký kết chính thức BTA với Hoa Kỳ
- 12/2001: BTA có hiệu lực
- 4/2002: Tiến hành phiên họp đa phương thứ 5 với Ban Công tác. Việt Nam đưa ra Bản chào đầu tiên về hàng hóa và dịch vụ. Bắt đầu tiến hành đàm phán song phương.
- 2002 – 2006: Đàm phán song phương với một số thành viên có yêu cầu đàm phán, với 2 mốc quan trọng:
- 10/2004: Kết thúc đàm phán song phương với EU - đối tác lớn nhất

- 5/2006: Kết thúc đàm phán song phương với Hoa Kỳ - đối tác cuối cùng trong 28 đối tác có yêu cầu đàm phán song phương.
- 26/10/2006: Kết thúc phiên đàm phán đa phương cuối cùng, Ban Công tác chính thức thông qua toàn bộ hồ sơ gia nhập WTO của Việt Nam. Tổng cộng đã có 14 phiên họp đa phương từ tháng 7-1998 đến tháng 10-2006.
- 7/11/2006: WTO triệu tập phiên họp đặc biệt của Đại Hội đồng tại Geneva để chính thức kết nạp Việt Nam vào WTO. Ngày 7/11/2006, Bộ trưởng Thương mại Trương Đình Tuyển và Tổng giám đốc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) Pascal Lamy đã ký vào Nghị định thư gia nhập của Việt Nam kết thúc 11 năm tiến hành hàng loạt các cuộc đàm phán song phương, đa phương và tham vấn kể từ khi đệ đơn gia nhập vào năm 1995.
- 11/1/2007 WTO nhận được được quyết định phê chuẩn chính thức của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Kể từ đây, Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của WTO.

Lí do gia nhập WTO của Việt Nam cũng như của phần lớn các nước đang phát triển khác là để có động lực thúc đẩy xuất khẩu do phải cải thiện các điều kiện tham gia vào thị trường quốc tế. Cùng với việc mở rộng doanh số hàng nông sản và dệt may, Việt Nam cũng hi vọng thu hút thêm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một lợi ích quan trọng nữa đối với Việt Nam, nhất là sau một số vụ kiện bán phá giá tại Hoa Kỳ (cá da trơn, tôm) và EU (xe đạp), chính là việc tiếp cận với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Sau cùng, việc gia nhập cũng sẽ tạo ra động lực mạnh hơn cho những cải cách trong nước tiếp theo về định hướng thị trường

2. Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập WTO

11/1/2007, Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của WTO. Sự kiện này mở ra cơ hội mới cho sự phát triển đất nước và cả những thách thức cần phải vượt qua khi VN được tham gia vào tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu.

Cơ hội

Một là: khi gia nhập WTO, Việt Nam được tiếp cận thị trường hàng hoá và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ, không bị phân biệt đối xử.

Hai là: Với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện công khai minh bạch các thiết chế quản lý theo quy định của WTO, môi trường kinh doanh của Việt Nam ngày càng được cải thiện.

Ba là: Gia nhập WTO, Việt Nam có được vị thế bình đẳng như các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, có cơ hội để đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn, hợp lý hơn, có điều kiện để bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp.

Bốn là: Việc gia nhập WTO, hội nhập vào nền kinh tế thế giới cũng thúc đẩy tiến trình cải cách trong nước, bảo đảm cho tiến trình cải cách của Việt Nam đồng bộ hơn, có hiệu quả hơn.

Năm là: Cùng với những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử sau 20 năm Đổi mới, việc gia nhập WTO sẽ nâng cao vị thế của ta trên trường quốc tế, tạo điều kiện cho Việt Nam triển khai có hiệu quả đường lối đối ngoại.

Thách thức

Một là: Cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt hơn, với nhiều "đối thủ" hơn, trên bình diện rộng hơn, sâu hơn.

Hai là: Trên thế giới sự "phân phối" lợi ích của toàn cầu hoá là không đồng đều. Những nước có nền kinh tế phát triển thấp được hưởng lợi ít hơn. Ở mỗi quốc gia, sự "phân phối" lợi ích cũng không đồng đều. Một bộ phận dân cư được hưởng lợi ít hơn, thậm chí còn bị tác động tiêu cực của toàn cầu hoá; nguy cơ phá sản một bộ phận doanh nghiệp và nguy cơ thất nghiệp sẽ tăng lên, phân hoá giàu nghèo sẽ mạnh hơn. Điều đó đòi hỏi phải có chính sách phúc lợi và an sinh xã hội đúng đắn; phải quán triệt và thực hiện thật tốt chủ trương của Đảng: "Tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển".

Ba là: Hội nhập kinh tế quốc tế trong một thế giới toàn cầu hoá, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước sẽ tăng lên. Trong điều kiện tiềm lực đất nước có hạn, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, kinh nghiệm vận hành nền kinh tế thị trường chưa nhiều thì đây là khó khăn không nhỏ.

Bốn là: Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những vấn đề mới trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chống lại lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền.

3. Thành tựu đạt được và những kỳ vọng bị bỏ lỡ

1. Những thay đổi ấn tượng

WTO đã làm thay đổi diện mạo khung khổ pháp luật, thể chế chính sách về kinh tế thương mại đầu tư cũng như phương thức quản lý kinh tế của Việt Nam.

- Gia nhập WTO là sức ép để Việt Nam sửa đổi, điều chỉnh khung khổ pháp luật, chính sách thương mại, đầu tư từ "theo nhu cầu quản lý" của Việt Nam sang "tuân thủ các tiêu chuẩn" của thế giới (thể hiện trong các Hiệp định của WTO).

Trong 02 năm liền trước và liền sau thời điểm gia nhập WTO (2006-2007), Quốc hội VN đã sửa trên 60 Luật để thực thi cam kết WTO, hàng trăm Nghị định, Thông tư hướng dẫn cũng đã được sửa đổi. Kết quả là pháp luật kinh doanh ở Việt Nam đã có một diện mạo mới cùng với những thay đổi về chất nhờ WTO.

- Gia nhập WTO là động lực để Việt Nam chuyển dần từ phương thức quản lý Nhà nước can thiệp hành chính sang phương thức quản lý Nhà nước kiến tạo - tôn trọng quyền tự do kinh doanh, theo quy luật thị trường

- Gia nhập WTO và nhu cầu cải thiện môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư tận dụng cơ hội từ WTO là động lực thúc đẩy Việt Nam thực hiện các cải cách theo hướng minh bạch

hóa, thuận lợi hóa và nhân mạnh yếu tố hiệu quả trong vận hành bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế.

2. Những kỳ vọng bị bỏ lỡ

(i) Cơ hội tăng trưởng không đạt được kỳ vọng

Bằng chứng: Tăng trưởng GDP 5 năm 2006-2010 đạt 7%, 2011-2015 là 5,88% - Dù vẫn là cao với thế giới nhưng rõ ràng là thấp hơn so với chính VN thời kỳ hội nhập hạn chế hơn trước đó (thấp so với 7,51% của giai đoạn 2001-2005, thậm chí thấp so với 7% của giai đoạn 1996-2000)

Vấn đề đặt ra: Thể chế kinh tế và điều hành vĩ mô phải chăng còn chưa theo kịp yêu cầu hội nhập (khi nền kinh tế mỏng manh hơn trước các tác động của kinh tế thế giới)?

(ii) Nông nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực

Bằng chứng: Tăng trưởng bình quân 2007-2011 là 3,4%/năm, 2011-2015 là 3,1% (thậm chí năm 2015 mức tăng trưởng là thấp nhất, chỉ 2,21%) – trong khi đó tăng trưởng của ngành này giai đoạn 2001-2006 là 4 %

Vấn đề đặt ra: Nhóm đối tượng thu nhập thấp, dễ bị tổn thương nhất trong xã hội dường như không được lợi hoặc đang chịu áp lực từ hội nhập.

(iii) Cơ cấu xuất nhập khẩu có vấn đề

Bằng chứng: Mũi nhọn xuất khẩu là các ngành sử dụng tài nguyên, nông nghiệp, thâm dụng lao động (gia công); Nhập siêu là chủ đạo, tăng mạnh trong thời kỳ sau WTO

Vấn đề đặt ra: Xuất khẩu mang lại giá trị gia tăng thấp, dựa trên các lợi thế không bền vững, không tạo động lực cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế-DN sản xuất ko tận dụng được cơ hội?

4. TPP, EVFTA và làn sóng FTA mới

Hiện tại, dấu mốc hội nhập kinh tế quan trọng của Việt Nam là việc đàm phán, ký kết 02 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các đối tác thương mại lớn nhất – Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA).

1. Những tác động dự kiến về thể chế (trong so sánh với WTO)

Tác động dự kiến

- TPP, EVFTA bao gồm nhiều cam kết nhắc lại, nhấn mạnh việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về thể chế pháp lý, chính sách của WTO. Thực thi TPP, EVFTA vì thế cũng sẽ là cơ sở để VN tiếp tục thực hiện tốt hơn, triệt để hơn, hiệu quả hơn các cam kết trong WTO;

- TPP, EVFTA đồng thời bao gồm nhiều cam kết quan trọng về thể chế kinh tế - pháp lý, những vấn đề thuộc về khung khổ chính sách đằng sau đường biên giới cao hơn các tiêu chuẩn trong WTO (còn gọi là WTO+). Thực thi TPP, EVFTA sẽ tạo ra một làn sóng cải cách

thể chế kinh tế thứ hai sau WTO, với “độ khó” cao hơn giai đoạn 2006-2007 (trong khi bản thân Việt Nam khi thực hiện các cam kết WTO cũng còn gặp khó khăn trong một số trường hợp, ví dụ Hiệp định TRIPS về Sở hữu trí tuệ)

- TPP, EVFTA có mức độ tự do hóa thương mại (hàng hóa và dịch vụ) cao hơn hẳn so với WTO. Thực thi các cam kết này, Việt Nam sẽ đứng trước những yêu cầu mới cả về khung khổ pháp lý (bởi Việt Nam sẽ phải duy trì song song nhiều mức độ mở cửa khác nhau cho các đối tác FTA trong khi với WTO VN có thể duy trì một hệ thống chung).

2. Thách thức với Việt Nam:

- Có thể tận dụng kinh nghiệm gì từ quá trình thực thi cam kết WTO về thể chế để triển khai thực hiện các cam kết WTO+ trong các FTA mới?

- Việc thực thi các cam kết FTA mới cũng góp phần tăng hiệu quả thực thi cam kết WTO trong nhiều khía cạnh thể chế. Vậy làm thế nào để kết hợp các nguồn lực, nỗ lực thực thi này?..

5. Các hoạt động của VCCI trong khuôn khổ hội nhập WTO

Kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO năm 2007, VCCI đã có nhiều hoạt động tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trong việc tuân thủ các thông lệ kinh doanh quốc tế và hội nhập kinh tế toàn cầu, cụ thể như sau:

- VCCI đã thành lập Trung tâm WTO (<http://trungtamwto.vn>) nhằm hỗ trợ về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hoạt động chính của Trung tâm là cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nâng cao nhận thức, năng lực và chủ động tham gia ý kiến để có thể tận dụng tối đa những lợi ích từ WTO và các hiệp định thương mại quốc tế, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ các hiệp định này.

Trung tâm cũng là đầu mối cung cấp thông tin pháp lý và các thông tin liên quan đến các quy định, cam kết trong WTO và các Hiệp định thương mại khác của Việt Nam theo hình thức phù hợp với trình độ và nhu cầu của doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, VCCI cũng tổ chức các hoạt động vận động chính sách (nghiên cứu, điều tra, hội thảo lấy ý kiến doanh nghiệp...) để tham vấn với Chính phủ trong đàm phán, thực thi các cam kết thương mại quốc tế nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập..

- Ngoài ra, VCCI cũng tổ chức nhiều Hội thảo, Diễn đàn doanh nghiệp chuyên đề về WTO và chủ đề hội nhập quốc tế, đặc biệt là 02 cuộc đối thoại với cựu giám đốc WTO Pasca Lamy (8/2014) và đối thoại giữa cộng đồng doanh nghiệp với Tổng Giám đốc WTO Roberto Azevedo (4/2016) đã thu hút được nhiều doanh nghiệp và Hiệp hội doanh nghiệp trong nước tham gia.

V. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Trung tâm WTO - VCCI : <http://www.trungtamwto.vn>

Trung tâm WTO là đơn vị trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được thành lập nhằm hỗ trợ về pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hoạt động chính của Trung tâm là cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nâng cao nhận thức, năng lực và chủ động tham gia ý kiến để có thể tận dụng tối đa những lợi ích từ WTO và các hiệp định thương mại quốc tế, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ các hiệp định này.

Trung tâm WTO

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Địa chỉ: 9 Đào Duy Anh – Hà Nội

Điện thoại: +84-4-35771458

Fax: +84-4-35771459

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn